



BIÊN BẢN LẤY MẪU/SAMPLING MINUTES

Số biên nhận:

....., ngày tháng năm 2022

1. Tên khách hàng đề nghị lấy mẫu (Customer's name):

CN. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CÚ CHI

Người đại diện, chức vụ (Representative):

2. Cán bộ lấy mẫu (Samplers): ...Huỳnh Tung...

3. Đơn vị giám sát (Inspector):

4. Tên công ty/vị trí được khảo sát lấy mẫu (Sampling site):

CN. Tổng Công ty Cổ phần bia, nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy bia Sài Gòn - Cú Chi

Địa chỉ (Address): ...Lô C1, Đường D3, KCN Tân Bắc Củ Chi, Củ Chi, TP. HCM

Điện thoại (Tel.): Fax:

Người đại diện, chức vụ (Representative):

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Vị trí lấy mẫu (Sampling point)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Số niêm phong (Seal number)	Yêu cầu gắn quy chuẩn/tiêu chuẩn (Associated with regulations/ Standard) ☐ Có/Yes ☐ Không/No
1		KT: OTKT của hệ thống xử lý bụi (Khu vực nhập Malt-gạo) - ống số 1	KT1		
2		KT: OTKT của hệ thống xử lý bụi (Khu vực nhập Malt-gạo) - ống số 2	KT2		
3		KT: OTKT của hệ thống xử lý bụi (Khu vực nhập Malt-gạo) - ống số 3	KT3		

5. Ngày trả kết quả (Result date): 29/08/2022

6. Đơn vị thanh toán chi phí dịch vụ (Unit of payment):

Người đại diện (Representative): Số điện thoại (Tel.):

7. Mở niêm phong tại ETM (Opening seal at ETM): ☐ Có/Yes, Thời gian mở niêm phong (Opening time of seal):

Đơn vị ủy quyền ETM tự mở niêm phong (Authorizing ETM to open seal): ☐ Có/Yes ☐ Không/No

8. Ghi chú khác (Others):

Đơn vị được lấy mẫu
Company of sampling site
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị giám sát
Inspector
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu
Customer
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị lấy mẫu
Sampler
(Ký tên/Signature, full name)

Mã số: BM.06.01 Lần ban hành: 07 Ngày ban hành: 26/10/2020

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

Số biên nhận:

Ngày lấy mẫu: 17/08/2021

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Chỉ tiêu phân tích - Tổng số lượng chỉ tiêu	Ngày trả kết quả cho khách hàng	Niêm phong: Có
1		KT1	Bụi tổng	29/08	☐
2		KT2			☐
3		KT3			☐

Ghi chú: Mẫu dịch vụ khách/nhanh sẽ được ghi rõ vào cột "Ngày trả kết quả cho khách hàng"

Nhân viên kiểm tra mã hóa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên, thời gian giao nhận mẫu)



BIÊN BẢN LẤY MẪU/SAMPLING MINUTES

Số biên nhận:

....., ngày tháng năm 2022

1. Tên khách hàng đề nghị lấy mẫu (Customer's name):

Người đại diện, chức vụ (Representative):

2. Cán bộ lấy mẫu (Samplers):

3. Đơn vị giám sát (Inspector):

4. Tên công ty/vị trí được khảo sát lấy mẫu (Sampling site):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Tel.): Fax:

Người đại diện, chức vụ (Representative):

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Vị trí lấy mẫu (Sampling point)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Số niêm phong (Seal number)	Yêu cầu gắn quy chuẩn/tiêu chuẩn (Associated with regulations/ Standard) ☐ Có/Yes ☐ Không/No
4		NT: Nước thải đầu vào (bình: Vao xy khí)	NT1		
5		NT: Nước thải sau xử lý (bình: Muối ăn)	NT2		

5. Ngày trả kết quả (Result date):

6. Đơn vị thanh toán chi phí dịch vụ (Unit of payment):

Người đại diện (Representative): Số điện thoại (Tel.):

7. Mở niêm phong tại ETM (Opening seal at ETM): ☐ Có/Yes, Thời gian mở niêm phong (Opening time of seal):

Đơn vị ủy quyền ETM tự mở niêm phong (Authorizing ETM to open seal): ☐ Có/Yes ☐ Không/No

8. Ghi chú khác (Others):

Đơn vị được lấy mẫu
Company of sampling site
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị giám sát
Inspector
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu
Customer
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị lấy mẫu
Sampler
(Ký tên/Signature, full name)

Mã số: BM.06.01 Lần ban hành: 07 Ngày ban hành: 26/10/2020

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

Số biên nhận:

Ngày lấy mẫu: 17/10/2021

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Chỉ tiêu phân tích - Tổng số lượng chỉ tiêu	Ngày trả kết quả cho khách hàng	Niêm phong: Có
4		NT1	Nhiệt độ, độ màu, pH, COD, BOD ₅ , TSS, N, P, NH ₄ , Surfua, Clo dư, dầu mỡ khoáng, Coliform	24/10	☐
5		NT2	Nhiệt độ, độ màu, pH, COD, BOD ₅ , TSS, N, P, NH ₄ , Surfua, Clo dư, dầu mỡ khoáng, Coliform, As, Hg, Cd, Pb		☐

Ghi chú: Mẫu dịch vụ khẩn/nhanh sẽ được ghi rõ vào cột "Ngày trả kết quả cho khách hàng"

Nhân viên kiểm tra mã hóa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên, thời gian giao nhận mẫu)



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2208.0989/1-3

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 18/08/2022

Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hữu Tùng – Thành Nguyên

Stt	Vị trí đo đạc	Bụi tổng (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (C _{max} = C*K _p *K _v) với K _p = 0,9; K _v = 1	Phương pháp đo đạc/phân tích
1	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 1 VN2000: 0580106; 1214536	KPH (LOD = 5)	180	US EPA Method 5
2	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 2 VN2000: 0580096; 1214540	25		
3	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 3 VN2000: 0580205; 1214533	KPH (LOD = 5)		

Ghi chú:

- C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- K_p = 0,9: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng 20.000 < P ≤ 100.000 m³/h.
- K_v = 1: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).
- KPH: không phát hiện, LOD: giới hạn phát hiện.

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý



Ngày 24 tháng 08 năm 2022
Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06.KK-KT**
Lần ban hành: 07
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/1



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9, Tp. HCM - Tel : (84.28) 3733 2121 - Fax : (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2208.0989/5

Đơn vị yêu cầu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
Nơi lấy mẫu : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải sau xử lý
Tọa độ: 0580641; 1214661

Ngày lấy mẫu : 18/08/2022
Cán bộ lấy mẫu : Đặng Hữu Tùng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2208.0989/5	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đặc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,1	40	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	7,05	6 - 9	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	5	50	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	15	45	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	31	67,5	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	10	27	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nito	mg/L	5,9	18	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	0,49	3,6	SMEWW 4500-P.B&D (2017)

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2208.0989/5	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đặc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	0,18	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	0,13	0,9	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	4,5	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	As	mg/L	KPH (LOD = 0,0005)	0,045	SMEWW 3114 C (2017)
14	Hg	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	0,0045	SMEWW 3112 B (2017)
15	Cd	mg/L	KPH (LOD = 0,009)	0,045	SMEWW 3120 B (2017)
16	Pb	mg/L	KPH (LOD = 0,013)	0,09	SMEWW 3120.B (2017)
17	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD = 3)	3000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.

KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử,

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp,

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, Trong đó:

C_{max} : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, (mg/L),

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 mục 2,2,

$K_q = 0,9$: Là hệ số Lưu Lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$,

$K_f = 1,0$: Là hệ số theo Lưu Lượng nguồn thải có $500 < F \leq 5000 \text{ m}^3/24\text{h}$,

Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C$ (không áp dụng hệ số K_q và K_f đối với các thông số: pH, độ màu, Coliform),

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý



Ngày 24 tháng 08 năm 2022

Giám đốc

Huỳnh Ngọc Phương Mai



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9, Tp. HCM - Tel : (84.28) 3733 2121 - Fax : (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2208.0989/4

Đơn vị yêu cầu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
Nơi lấy mẫu : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải trước xử lý
Tọa độ: 0580634; 1214839

Ngày lấy mẫu : 18/08/2022
Cán bộ lấy mẫu : Đặng Hữu Tùng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2208.0989/4	Phương pháp đo đạc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	29,1	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	8,33	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	66	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	780	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	2210	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	1350	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	6,3	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nitơ	mg/L	79,3	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	19,5	SMEWW 4500-P.B&D (2017)

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**
Lần ban hành: 07
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2208.0989/4	Phương pháp đo đạc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	1,79	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	Coliform	MPN/100mL	43000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.

KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý



Ngày 24 tháng 08 năm 2022
Giám đốc

Huỳnh Ngọc Phương Mai



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2